

TÌM LẠI MÌNH, BIẾT ĐƯỢC MÌNH LÀ TRÊN HẾT

TẮT NIÊN MẬU THÌN 1989

Đề tài chúng tôi nói chuyện hôm nay là: “Tìm lại mình, biết được mình là trên hết.” Đề tài này, mới nghe qua quý vị thấy quá đơn giản, nhưng thật là thiết yếu trong cuộc sống của chúng ta.

Chúng ta ai ai cũng có thói quen chạy ra bên ngoài, tìm kiếm bên ngoài. Vì thế chúng ta hiểu biết rất nhiều việc bên ngoài, nhưng khi trở lại tìm hiểu bản thân mình, con người mình thì rất là thiếu sót. Nói như vậy không có nghĩa là chúng tôi phủ nhận ngành y khoa nghiên cứu về con người. Ở đây tôi muốn nói con người chúng ta còn có một giá trị khác hơn nữa. Ngoài cái thân hiện đang đi đứng nằm ngồi này, còn một cái gì nơi chúng ta mà chúng ta cần tìm hiểu. Vì thế xoay lại mình tìm cho ra cái chân thật của chính mình là điều tối quan trọng. Nếu không, thì đời sống chúng ta trở thành lạt lẽo vô vị. Chẳng lẽ chúng ta sống chỉ để ăn mặc ngủ nghỉ... rồi chờ đến ngày chết sao? Chúng ta cần phải biết: Sống còn có cái gì cao siêu hơn ở bên trong. Vì chúng ta cứ phóng ra bên ngoài nên mất mình mà không biết. Vì vậy chúng tôi mới nhắc quý vị phải: Tìm lại mình, biết được mình là trên hết.

Lâu nay người ta hiểu lầm cho rằng đạo Phật là huyền bí, cao siêu, nhưng thật ra đạo Phật rất là thật tế, vì luôn luôn chủ trương xoay lại tìm con người chân thật của chính mình. Biết được mình chẳng phải là điều rất thật tế hay sao? Các cơ quan của chúng ta như mắt, tai, mũi, lưỡi... quen phóng ra bên ngoài để tìm hiểu, phân tích, mà quên nhìn lại nơi mình. Vì lẽ đó trong nhà thiền có dạy: phân quan tự kỷ bổn phận sự, nghĩa là xoay lại chính mình mới là bổn phận chánh. Nếu chúng ta biết được tất cả bên ngoài, mà không biết tí gì về chúng ta, đó là một thiệt thòi lớn lao. Người thế gian khi làm điều gì đều muốn được thành công, nhưng sự thành công đó kéo dài lắm cũng chỉ năm ba mươi năm rồi cũng phải buông, không giữ được mãi mãi. Chỉ có cái chân thật của chính mình mới lâu dài vĩnh cửu. Nghĩ mới hôm nào chúng ta đôi ba mươi tuổi mà ngày nay đã già rồi, đời sống con người ngắn ngủi làm sao! Chẳng bao lâu rồi đến giờ phút cuối cùng! Vì vậy tất cả của cải thế gian nếu chúng ta nghĩ là nguồn hạnh phúc, nguồn an vui tuyệt đối, thì điều này không hợp với lẽ thật. Chỉ có biết rõ được mình mới là điều quan trọng và thật tế. Lấy ví dụ cho dễ hiểu: Như người ở thế gian họ rành rẽ việc của làng xóm, của đất nước, của thế giới, nhưng việc trong nhà họ không biết tí nào, thì người đó có thiếu thật tế hay không? Việc trong nhà là nơi gốc họ sống mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, mà họ không biết, chỉ biết chuyện bên ngoài, quả là thiếu thật tế lắm vậy. Nếu chúng ta biết tất cả, cho đến những vì sao xa xôi trên bầu trời, đó

cũng chỉ là biết bên ngoài. Nếu chúng ta quay lại biết được chính mình, đó mới là điều cần thiết.

Hiện giờ có nhiều người thường nói cái gì cũng mình, cũng tôi, cũng ta. Nhưng thử hỏi, cái gì là mình, là ta, thì khó trả lời cho thông được. Nếu nói thân này là mình, khi chưa có thân là chưa có mình sao? Nếu có thân rồi mai kia thân hoại thì mình ở đâu? Nếu nói thân này là mình, thân này do đất nước gió lửa hợp thành, đúng ra là vô tri, chẳng lẽ mình lại vô tri hay sao? Nếu nói thân này có cả phần tinh thần lẫn vật chất, thì phần nào là mình? Tinh thần hay vật chất? Những điều đó rất là thiết yếu mà ít người quan tâm đến! Chúng ta cứ mãi lo tìm sanh kế, sống ngày này qua ngày khác, cuối cùng từ già cuộc đời. Rồi ngang đó chúng ta không biết ra sao nữa, đó là điều thật đáng buồn. Vì vậy người tu là biết quay lại tìm cho ra: Mình là cái gì? Là thân tứ đại này chăng? Là những tình cảm vui buồn thương ghét chăng? Hay là cái gì cao siêu hơn nữa? Chúng ta tu cốt phải làm sao thấy được con người mình, con người chân thật.

Chúng tôi xin dẫn bài kệ của một Thiền sư cư sĩ, ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ, đời Trần. Ngài làm bài kệ soi lại mình, nhan đề là “Chiếu Thân”.

Tiêu đầu lan ngạch bị kim bào,

Ngũ thất niên gian thị xương tào.

Túng giả siêu quần kiếm bạt tụy,

Nhất hồi phóng hạ nhất hồi cao.

Bài dịch:

Soi Thân

Sém đầu dập trán bởi đua chen,

Năm bảy mươi năm kiếp ngựa hèn.

Ví thực bạt siêu ngoài thói tục,

Một lần buông xuống một lần lên.

Trúc Thiên

Sém đầu dập trán bởi đua chen: Trải qua bao nhiêu thời gian chạy theo thế tục làm cho đầu phải sém, trán phải dập, cũng bởi đua chen với đời, rốt cuộc rồi không tới đâu, vất vả nhiều mà kết quả không bao nhiêu, cho nên nói:

Năm bảy mươi năm kiếp ngựa hèn: Như con ngựa yếu, chúng ta trải qua năm bảy mươi năm mệt mỏi cũng không được gì!

Ví thực bạt siêu ngoài thói tục: Nếu thật vượt ra được ngoài thói tục, tức là thói đua chen giành giật, thì sẽ ra sao?

Một lần buông xuống một lần lên: Vì sao buông xuống lại được lên? Vì buông đi một gánh nặng là chúng ta nhẹ bớt một phần. Nếu buông nhiều chừng nào chúng ta càng nhẹ chừng nấy, cho nên càng buông thì càng lên. Nếu chúng ta giành giật tranh đua nhau mãi, chỉ là làm khổ cho nhau, chớ có lợi ích gì! Biết nhường nhịn nhau, biết trở lại tìm mình, và vượt ra ngoài thói tục, chúng ta sẽ buông xả những tranh đua giành giật. Lúc ấy chúng ta sẽ cảm thấy nhẹ nhàng siêu thoát. Là người biết tu, biết học đạo, chúng ta phải trở lại mình, thấy rõ mình, đó là điều hết sức thiết yếu.

Biết được mình có giá trị gì?

Thí dụ: Có người muốn bắt cứ điều gì trong cuộc đời như tiền tài danh vọng, họ đều được toại nguyện, người đó được hạnh phúc chưa? Mới nhìn qua tưởng chừng như họ được đại hạnh phúc vậy. Nhưng đến khi cái chết gần kề, họ muốn sống cũng không được, thì lúc đó đau khổ ngàn nào! Họ được tất cả sự vật bên ngoài, mà ngay bản thân họ, họ không tự cứu được, cũng không ai cứu họ được. Như vậy tất cả sự vật bên ngoài đối với họ, còn có giá trị hay không? Còn có người tuy tiền của không bao nhiêu, đời sống rất đạm bạc nhưng họ đã thấy rõ được họ, biết cái gì là thật, cái gì là hư. Đời của họ có một chỗ tựa, có một chỗ đứng vững vàng không còn hồi hộp, lo sợ gì nữa. Họ sống an nhàn tự tại, không còn sợ ngày mai khi chết rồi sẽ ra sao? Họ tự thấy mình một cách rõ ràng tỉnh táo, biết mình sẽ không còn phải đau khổ nữa, không còn phải sa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Chính mình biết được mình, đó mới là cái giá trị cao nhất của cuộc đời.

Trong kinh Pháp Hoa có nói thí dụ: Có một ông vua sai binh tướng đi đánh giặc. Khi binh tướng thắng trận trở về, nhà vua thưởng cho vị tướng tài giỏi nhất một hòn ngọc Ngai cát trong búi tóc. Còn những tướng thường chỉ được tặng những vật phẩm thường thôi! Trong câu chuyện này nhà vua dụ cho đức Phật, vị tướng tài giỏi nhất dụ cho những Bồ-tát đã ngộ được Tri kiến Phật trong hội Pháp Hoa, nên được tặng cho hạt minh châu. Ngộ được Tri kiến Phật tức là thấy được chính mình, đó là điều quan trọng nhất. Biết được mình mới là giá trị cao nhất trong cuộc đời. Nhưng con người mà mình tìm được, mình biết được là con người nào? Chúng tôi gọi đó là con người chân thật. Còn con người nặng bốn mươi năm mươi ký là con người tạm bợ, chỉ sống mấy mươi năm rồi tan rã. Chỉ có con người chân thật mới không bị hủy hoại, không bị tiêu mất.

Con người chân thật đã từng được nói đến trong kinh Phật, từ những kinh Nguyên thủy cho đến kinh Đại thừa và Thiền tông (thật ra kinh Nguyên thủy không xác định rõ về con người chân thật. Chúng tôi sẽ giải thích tại sao trong phần sau).

Trước hết chúng tôi dẫn những kinh Nguyên thủy. Trong kinh A-hàm hay các bộ Nykaya, đức Phật thường dạy: Nếu diệt hết tham sân si, dẹp hết các phiền não thì mầm sanh tử dứt, gọi là được giải thoát hay là nhập Niết-bàn. Trong kinh Phật chủ trương vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu vô ngã, khi nói giải thoát, nếu nhập Niết-bàn thì cái gì giải thoát, cái gì nhập Niết-bàn? Đó là một vấn đề mà đa số người học Phật đều thắc mắc. Thật ra thời đức Phật, đức Phật phải đương đầu với giáo lý Bà-la-môn. Giáo lý này chủ trương có thần ngã, người tu chín chắn sau khi chết, thần ngã sẽ nhập vào Đại ngã hay còn gọi là trời Đại Tự Tại hay là Phạm Thiên. Thần ngã trong đạo Bà-la-môn là cái hiểu biết, cái suy tính của con người cũng giống như linh hồn mà dân chúng bình dân thường tin tưởng. Để phá chấp về thần ngã hay linh hồn, đức Phật thuyết lý vô ngã. Nói vô ngã là để phá chấp hữu ngã của Bà-la-môn, vì chấp như thế không thể đến được cái chân thật. Những suy nghĩ, phân biệt, hiểu biết là hiện tượng của thần ngã, tức là tướng sanh diệt, mà cho rằng nó không sanh có diệt, đó là điều sai lầm. Vì vậy Phật nói cái đó không phải là ngã. Nếu nói giải thoát, nói nhập Niết-bàn là cái ngã giải thoát, cái ngã nhập Niết-bàn, thì người ta sẽ hiểu lầm đó là cái ngã của Bà-la-môn. Vì vậy đức Phật chỉ nói giải thoát, chỉ nói nhập Niết-bàn, mà không nói chủ tử: Cái gì giải thoát cái gì nhập Niết-bàn. Đức Phật dạy chúng ta đừng chấp, để chúng ta tu hành giải thoát, đến đó rồi sẽ biết.

Chúng ta không khỏi thắc mắc: Nói giải thoát, nói nhập Niết-bàn, là phải có chủ tử, có cái gì giải thoát, có cái gì nhập Niết-bàn. Thí dụ như nói được mở trí, được mời vào nhà sang trọng, thì phải có ai được mở trí, ai được mời vào nhà sang trọng. Chẳng lẽ chỉ có động từ mà không có chủ từ? Sở dĩ đức Phật không nêu lên con người chân thật - nghĩa là do đạt được con người chân thật mà chúng ta giải thoát, do đạt được con người chân thật mà chúng ta nhập Niết-bàn - là để tránh cái lỗi chấp là thần ngã như bên Bà-la-môn. Nếu làm chấp cái được giải thoát, được Niết-bàn là thần ngã thì không giải thoát. Vì vậy các kinh Nguyên thủy không nói ai được giải thoát, ai được Niết-bàn.

Tuy nhiên, đức Phật không phải không nói về vấn đề ấy, chúng tôi xin dẫn một đoạn trong kinh Nguyên thủy: Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi. Này các Tỳ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thời ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi. Vì rằng, này các Tỳ-kheo,

có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi nên có sự trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.” Đoạn này được trích trong kinh Phật Sở Thuyết, trang 382 của Tiểu Bộ Kinh, Pali, do Hòa thượng Minh Châu dịch. Trong đoạn kinh này đức Phật xác nhận có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi. Vì có cái đó cho nên mới có xuất ly, tức là có giải thoát. Đức Phật xác nhận rõ ràng có cái không nói tên, nhưng chúng ta ngầm hiểu đó là con người chân thật của chúng ta.

Qua đến kinh điển Đại thừa, con người chân thật được nêu lên rất rõ ràng. Trong kinh Kim Cang, Phật có nói bài kệ:

Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nhân hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai

Dịch:

Nếu do sắc thấy ta

Do âm thanh cầu ta

Người ấy hành tà đạo

Không thể thấy Như Lai

Chữ “Ta” trong bài kệ chỉ cái gì? Nếu “ta” chỉ hình tướng đức Phật khi còn tại thế ở Ấn Độ, thì hình tướng đó ngày nay không còn nữa. Nếu “ta” chỉ cái khi đức Phật nhập Niết-bàn thì cũng không hợp lý. Chữ “Ta” (ngã) trong bài kệ chỉ cái ta mà mọi người sẵn có, cái ta đó còn gọi là pháp thân hay Phật tánh. Kinh điển Đại thừa nói cái thân hiện có của chúng ta là cái thân tạm bợ giả dối. Ngay trong cái thân tạm bợ giả dối này có cái chân thật bất sanh bất diệt, gọi là pháp thân hay Phật tánh. Chữ “ngã” là chỉ cho pháp thân. Pháp thân không phải là sắc tướng; cho nên không do sắc mà thấy. Pháp thân không phải là âm thanh, cho nên không do âm thanh mà cầu. Sắc tướng âm thanh là tướng sanh diệt tạm bợ, nếu dùng sắc tướng âm thanh mà cầu gọi là hành đạo tà, không thể thấy được pháp thân, cho nên nói: Không thể thấy Như Lai, Như Lai là chỉ cho pháp thân. Kinh điển Đại thừa nêu lên cho chúng ta thấy mỗi người đều sẵn có pháp thân.

Ngày xưa khi còn ở Phật học đường, chúng tôi thắc mắc không hiểu vì sao các nhà tạc tượng ở Việt Nam, khi tạc hình đức Phật lại giống người Việt Nam. Chẳng lẽ các vị ấy không biết đức

Phật là người Ấn Độ hay sao? Ở Trung Hoa cũng vậy, hình đức Phật giống người Trung Hoa, ở Nhật Bản hình đức Phật giống người Nhật Bản... vì sao các nhà điêu khắc lại tạc tượng như vậy? Đó là điều thắc mắc của chúng tôi. Ngày nay khi học kỹ kinh điển Đại thừa rồi, chúng tôi mới biết tinh thần Đại thừa không thừa nhận đức Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp như ở Ấn Độ, mà luôn luôn đề cao Phật pháp thân. Phật pháp thân là tánh giác mỗi người sẵn có. Con người dù ở Trung Hoa, ở Nhật Bản hay ở Việt Nam, ai cũng có tánh giác như đức Phật ở Ấn Độ. Nếu chúng ta khéo tu, khéo chuyển thì mai kia chúng ta cũng giác ngộ thành Phật như Ngài. Các nhà điêu khắc, hiểu được lý này, nên tạc hình đức Phật giống như người của nước mình. Đó là để nói lên tinh thần Đại thừa, chỉ thấy Phật là Phật pháp thân. Phật pháp thân thì ở nơi nào cũng có, chớ không riêng ở quốc độ nào. Chỉ có người nhận được cái chân thật nơi mình, ngoài âm thanh, ngoài sắc tướng, mới có thể thấy Như Lai, tức là Phật pháp thân.

Trong nhà thiền, con người chân thật còn được gọi là Bản lai diện mục hay là ông chủ. Trường hợp Lục tổ Huệ Năng khi nhận được y bát của Ngũ Tổ rồi, Ngài rời Huỳnh Mai ra đi. Có một đoàn người dẫn đầu là Thượng tọa Huệ Minh đuổi theo để đoạt lại y bát... Nhưng khi Thượng tọa Minh gặp Lục Tổ rồi, thưa rằng: “tôi đến đây vì cầu pháp, chớ không phải giành lại y bát”, Lục Tổ bảo: “Nếu muốn cầu pháp, ông hãy bình tĩnh lắng tâm nghe tôi hỏi.” Thượng tọa Minh yên lặng giây lâu, Lục Tổ mới hỏi: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?” Ngay đó ngài Huệ Minh ngộ, Ngài ngộ cái gì? Ngài ngộ cái bản lai diện mục. Bản lai là xưa nay, diện mục là mặt mắt, tức là bộ mặt sẵn có của mình từ xưa đến giờ. Cái đó chúng tôi còn gọi là con người chân thật.

Trong sử các Thiền sư Trung Hoa, có Thiền sư Sư Nhan, Ngài thường ngồi tu trên tảng đá, ngồi một lát, Ngài thấy có hơi lơ là, bèn tự gọi: “Ông chủ!” Rồi ứng thanh: “Dạ!” Bèn bảo tiếp: “Tĩnh tỉnh, đừng bị người lừa nghe!” Lâu lâu Ngài tự gọi rồi tự đáp. Tu như vậy, về sau Ngài trở nên một Thiền sư nổi danh thời bấy giờ.

Danh từ ông chủ, hay danh từ Bản lai diện mục, trong nhà Thiền thường hay nhắc đến, là để chỉ cái chân thật sẵn có nơi mọi người chúng ta. Rất tiếc vì chúng ta không nhận thấy, hay vì chúng ta quên nên không sống được với cái chân thật đó. Vì vậy đức Phật bảo chúng ta mê, mê là quên mình có con người chân thật, rồi đuổi theo, lo lắng cho con người tạm bợ giả dối, đến khi con người tạm bợ sắp tan rã lại hoảng sợ cuống cuống lên, không biết rồi mình sẽ ra sao? Ngộ là thấy được con người chân thật của mình, và hằng sống với cái chân thật ấy, đó là nguồn hạnh phúc vô cùng, cho nên gọi đó là Niết-bàn, là an lạc, là giải thoát.

Muốn biết được ông chủ của mình hay là con người chân thật của mình, việc đó dễ hay khó? Thật là thiên nan vạn nan. Chúng tôi dẫn bài kệ của một Thiền sư Việt Nam đời Lý, ngài Ngộ Ấn. Khi sắp thị tịch, Ngài có làm bài kệ:

Diệu tánh hư vô bất khả phan,
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan.
Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị càn.

Dịch:

Diệu tánh rỗng không chẳng thể vin,
Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin.
Tươi nhuận sắc ngọc trong núi cháy,
Lò lửa hoa sen nở thật xinh.

Trong lò lửa cháy hực, một hoa đang nở tươi thắm, điều đó có tin được hay không? Thật là khó tin. Tuy khó tin mà có thật, mới là lạ chứ! Thân chúng ta từ hình thức vật chất đến phần tinh thần nghĩ suy tính toán, đều luôn luôn sanh diệt đổi thay. Nhưng trong cái sanh diệt đổi thay đó, có cái chưa bao giờ sanh diệt đổi thay. Chính cái đổi thay, cũng còn gọi là vô thường, đức Phật ví như là lửa, vì lửa đốt cháy làm sự vật phải tiêu mòn. Vì vô thường nên con người chúng ta luôn luôn thay đổi, từ trẻ đến già, từ già đến chết, thay đổi không bao giờ dừng. Thân, tâm chúng ta đều vô thường. Trong cái vô thường đó, muốn tìm cái không vô thường, rất khó mà tìm được, chẳng khác nào trong lò lửa mà có một đóa hoa sen đang nở tươi thắm, không bao giờ bị khô héo. Điều này tuy khó tin mà có thật. Thấy được điều này thật là hãn hữu. Thấy được rồi, chúng ta hết còn lo sợ cho cuộc sống của mình vì chúng ta còn có chỗ tựa, còn có cái miên viễn không bao giờ mất. Thân này, cảnh này dù có mất đi, nhưng cái chân thật nơi chúng ta luôn luôn hiện hữu, có mất bao giờ! Vì thế đối với sanh tử, các vị đạt đạo thấy như trò chơi, còn chúng ta chưa thấy đạo nên khi thân này tan hoại, chúng ta lo sợ kinh hoàng. Nếu còn sống thêm năm mười năm nữa, chúng ta vui mừng vô hạn. Còn trong cái vô thường, mất trong cái vô thường mà mừng sợ làm gì? Có cái chưa bao giờ bị vô thường, chưa bao giờ bị mất, chúng ta lại không thấy. Vì thế cái không vô thường, không tan hoại được ví như hòn ngọc quý trên ngọn núi đang cháy, lửa cháy hừng hực mà hòn ngọc vẫn tươi nhuận, cũng như hoa sen trong lò lửa hực mà vẫn tươi thắm. Hình ảnh trái ngược này, người thế gian không bao giờ tưởng tượng được nhưng người tu Phật lại thấy được điều đó. Vì thế người tu còn gọi là người xuất thế gian, tức là người vượt

qua sự tưởng tượng, sự nghĩ bàn của thế gian. Thật vậy người tu Phật khi công phu được viên mãn rồi, thì thấy rõ điều đó không nghi ngờ.

Trong hai câu đầu của bài kệ, ngài Ngộ Ấn dạy chúng ta:

Diệu tánh rỗng không chẳng thể vin,
Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin.

Tánh nhiệm màu rỗng không, không có thể vin theo, hay nắm bắt được. Muốn ngộ được diệu tánh ấy, tâm mình phải rỗng rang, không còn những ý niệm lăng xăng dao động. Nhưng hiện nay tâm mình lúc nào cũng đầy chặt cho đến tràn trề. Muốn tâm được rỗng rang, chúng ta phải buông hết đi, ném sạch hết đi, thì mới thấy cái chân thật rỗng rang đó.

Tươi nhuận sắc ngọc trong núi cháy,
Lò lửa hoa sen nở thật xinh.

Khi tâm mình được rỗng rang thanh tịnh rồi, chúng ta mới thấy ngay nơi thân vô thường này có cái chân thật không vô thường, giống như trong ngọn núi đang cháy có hòn ngọc tươi nhuận, trong lò lửa hừng hực có một đóa hoa sen xinh tươi đang nở. Điều này rất khó tin, nhưng có thật, nếu chúng ta khéo tu, khéo ứng dụng thì sẽ thấy được, chắc chắn không nghi ngờ.

Chính đức Phật Ngài đã sống được với cái diệu tánh chân thật ấy nên Ngài ung dung tự tại trước mọi hoàn cảnh. Chư Tổ khi xưa, các Ngài cũng thấy được và sống được với cái chân thật đó, cho nên việc sanh tử đối với các ngài như một trò chơi, không có nghĩa lý gì!

Ở Trung Hoa, Thiền sư Tĩnh Niệm, còn gọi là Thủ Sơn Niệm hay là Niệm Pháp Hoa, khi sắp tịch Ngài có nói bài kệ bốn câu như sau:

Bạch ngân thế giới kim sắc thân,
Tĩnh dữ phi tình cộng nhất chân.
Minh ám tận thời câu bất chiếu,
Nhật luân ngọc hậu kiến toàn thân.

Dịch:

Thế giới bạch ngân thân sắc vàng,
Tĩnh với phi tình một tánh chân.
Tối sáng hết rồi đều chẳng chiếu,

Vàng ô vừa xé thấy toàn thân.

Khi Ngài thấy được con người chân thật của mình rồi thì cái thân vô thường bại hoại này có mất đi, chẳng qua như bọt nước dưới biển tan ra rồi trở về biển chớ có mất mát gì đâu. Cho nên nói trời xé là khi Ngài tịch, Ngài sẽ thấy được toàn thân của Ngài chớ không có mất.

Ở Việt Nam, Thiền sư Liễu Quán (?-1743) có nói bài kệ:

Thất thập dư niên thế giới trung,
Không không sắc sắc diệt dung thông.
Kim triêu nguyệt mãn hoàn gia lý,
Hà tất bồn man vấn tổ tông.

Dịch:

Hơn bảy mươi năm ở cõi trần,
Không không sắc sắc thấy dung thông.
Hôm nay nguyệt mãn về quê cũ,
Nào phải bồn ba hỏi tổ tông.

Đối với Ngài khi thân này tan hoại, đó là lúc trở về quê cũ, không có gì mất mát, không có gì phải âu lo buồn khổ. Thấy đạo tức là thấy mình có con người chân thật rồi thì sự sống chết đối với Ngài là một trò chơi không còn quan trọng nữa, vì thế Ngài ra đi thảnh thơi tự tại, không có sợ sệt gì cả. Còn chúng ta vì chưa thấy đạo, chưa thấy cái chân thật nơi mình, nên khi mất cái thân giả tạm này, chúng ta phải hoảng sợ, lo âu không biết rồi thân phận mình sẽ ra sao? Và chúng ta buồn khổ tiếc nuối cái thân này...

Trở lại chuyện thật tế hơn, chuyện của phạm phu: Như tôi là một phạm tăng, sanh trong thời mạt pháp, lại thêm phước mỏng nghiệp dày, nhưng trên đường tu với tâm cố gắng mãnh liệt, tôi vẫn tin được mình có con người chân thật, lòng tin của tôi kiên cố không có chút nghi ngờ. Chúng tôi không nói vấn đề tu chứng chi cả, chỉ nói lòng tin vững chắc: Nơi tôi có con người chân thật.

Ngày trước tôi có mặc cảm là tôi không có được phước duyên như quý Hòa thượng đi tu từ thuở nhỏ, năm bảy tuổi, hay mười một mười hai tuổi. Đến năm ngoài hai mươi tuổi tôi mới xuất gia, kể ra là quá muộn rồi, thật là phước mỏng nghiệp dày! Khi vào chùa tôi được biết là mình tu nhầm thời mạt pháp, chắc không sao tiến nổi. Tu là để gieo duyên lành cho đời sau tiếp tục, chớ không có

chút hy vọng gì tìm ra đạo lý cao siêu! Các Thầy Tổ của chúng tôi thường nhắc: “Minh sanh thời mạt pháp, thôi thì dùng Lục tự Di-đà, niệm Phật rồi sau Phật rước về nước của Ngài. Qua được bên ấy, dù là hàng hạ sanh, hạ phẩm cũng còn vui hơn ở cõi ta- bà đau khổ này.” Yên lòng như vậy, tôi không nghĩ gì hơn là cố gắng gieo chút duyên lành với Phật pháp.

Tuy nhiên tôi có thói quen là làm việc gì cũng không dám tự mãn. Dù Thầy Tổ có dạy như vậy, nhưng khi học kinh điển, tôi thấy đức Phật do ngồi thiền mà thành đạo. Tôi không chấp nhận niệm Phật để được về nước Phật làm con dân của Ngài, như vậy chắc là buồn lắm. Vì thế tôi mò mẫm cố làm sao thấy được điều mà Phật đã dạy. Chúng tôi thấy rõ ràng là đức Phật do ngồi thiền dưới cội bồ-đề mà được giác ngộ, chớ không phải niệm Phật mà được giác ngộ. Vì vậy noi gương Ngài, tôi tập ngồi thiền. Nhưng khổ nỗi, ai dạy mình ngồi, đọc sách nào đây? Tôi mới lục trong Tạng Kinh, đọc thêm các sách Thiền tông. Sao mà khó hiểu quá! Tôi rất bi quan, đúng là mình sanh thời mạt pháp, không có phương cách nào tiến tu nổi! Nhưng tôi có niềm tin vững chắc là mình phải tu thiền mới mong đạt đạo, vì đó là con đường của Phật và chư Tổ đã đi. Thế nên tôi quyết chí tu thiền, mặc sự việc sẽ ra sao. Tôi lấy bản thân mình làm thí nghiệm, sống được cũng tốt, mà chết đi cũng tốt. Chớ vô lý làm sao, đức Phật tu một đàng, mình lại tu một nẻo. Và sau đó khi bắt đầu thật hành, chúng tôi phải dọ dẫm lần hồi vì không có thầy, không có bạn hướng dẫn đàng hoàng. Nhờ hồng ân của Phật Tổ chúng tôi thấy được một chút đạo lý để giữ vững niềm tin mình có một con người chân thật. Và chúng tôi khẳng định điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Giả sử bây giờ có bao nhiêu lý luận nào hay thế mấy mà nói rằng không có con người chân thật, tôi vẫn lắc đầu không bao giờ chấp nhận. Tôi vẫn tự ví mình như ngài Đại Mai Pháp Thường.

Ngài Pháp Thường sau khi tham vấn Mã Tổ rồi, Ngài về núi Đại Mai cát am ở ẩn. Mã Tổ nghe tin Ngài ở núi mà không biết Ngài ngộ cái gì, cho nên sai một vị Tăng đến thăm dò. Vị Tăng đến hỏi:

- Ngài gặp Mã Tổ đã được cái gì mà về ở núi này?

Ngài đáp:

- Tôi chỉ nghe Mã Tổ nói “tức tâm tức Phật”, tôi nhận được lý đó nên về ở núi này.

Vị Tăng nói:

- Gần đây Mã Tổ lại nói: “phi tâm phi Phật”.

Ngài nói:

- Ông già mê hoặc người, mặc ông nói: “phi tâm phi Phật” tôi chỉ biết “tức tâm tức Phật” thôi. Nghe nói câu đó, vị Tăng trở về bạch lại với Mã Tổ.

Mã Tổ nói với đại chúng:

- Trái Mai đã chín.

Như vậy “chín” là sao? Tức là được lòng tin không thối chuyển. Chính Mã Tổ là thầy của Ngài, đã nói “tức tâm tức Phật” mà bây giờ Mã Tổ đổi lại “phi tâm phi Phật”. Mặc ông già mê hoặc người, Ngài chỉ biết “tức tâm tức Phật”. Chính lòng tin đó khiến Ngài tu hành không thối chuyển.

Tuy chúng tôi tu không bằng ngài Đại Mai, nhưng chúng tôi cũng tin chắc rằng nơi mình có cái không sanh không diệt. Dù có ai nói gì đi nữa tôi vẫn khẳng định rằng nơi mình có con người chân thật bất sanh bất diệt. Vì có con người chân thật đó chúng ta mới giải thoát, chúng ta mới nhập Niết-bàn. Nếu không thì ai giải thoát? ai nhập Niết-bàn? Cái chân thật nơi mình không phải là điều xa xôi huyền bí mà rất là thật tế. Nếu chúng ta chịu khó dụng tâm nghiền ngẫm thì sẽ thấy được điều đó không nghi ngờ. Khi thấy được cái chân thật rồi, dù chúng ta chưa làm chủ thân này, dù chúng ta chưa được tự tại trong sanh tử, song chúng ta không phải khổ đau khi mất nó. Riêng tôi, tuy chưa làm chủ được thân, nhưng tôi tin chắc rằng mất thân này tôi không lo sợ. Và những ai có chí tu hành cũng đừng mặc cảm như tôi ngày trước, cho rằng mình sanh thời mạt pháp, phước mỏng nghiệp dày... mà phải thấy rằng chúng ta còn có duyên với đạo, cho nên ngày nay chúng ta mới phát tâm tu hành, chúng ta mới được sự nhắc nhở của thầy của bạn và đọc được bao nhiêu kinh sách của Phật, chưa phải chúng ta vô phần.

Ngày trước chúng tôi rất bi quan khi nghĩ rằng thời mạt pháp người tu không bao giờ có chứng có đắc, còn thời chánh pháp tu hành mới mong đắc quả. Nhưng sau này khi học sử Phật giáo rồi, chúng tôi mới thấy không hẳn luôn luôn như vậy. Thời chánh pháp, khi đức Phật còn tại thế, vẫn có nhiều Tỳ-kheo thối Bồ-đề tâm vì không quyết chí tu hành. Còn tuy là thời mạt pháp mà nếu chúng ta quyết tử trên đường tu, thì cũng có thể tiến được. Vì thế chánh pháp hay mạt pháp là cốt ở tâm mình, nếu mình quyết chí tu hành thì thời mạt pháp coi như là thời chánh pháp, còn nếu mình không quyết chí tu hành thì ngay trong thời chánh pháp coi như là mạt pháp. Vì vậy chúng ta không nên có mặc cảm là mình đang sanh thời mạt pháp rồi thả trôi cuộc đời tu hành, mỗi ngày hai thời khóa tụng gọi là gieo chút duyên lành với đạo! Chúng ta không nên bi quan như vậy mà phải nỗ lực tiến tu để có thể chuyển mạt pháp thành chánh pháp. Tinh thần của người tu là, dù sống trong thời buổi nào,

chúng ta cũng phải cố gắng vươn lên, tu hành tinh tấn cho đến ngày công hạnh viên mãn.

Như vậy, chúng tôi đã dẫn từ các kinh điển Nguyên thủy cho đến Đại thừa và Thiền tông, để quý vị thấy nơi mỗi người chúng ta đều có sẵn con người chân thật. Nếu chúng ta quyết chí tu hành thì sẽ thấy được điều đó không nghi ngờ.

Để kết thúc bài giảng hôm nay chúng tôi dẫn bài kệ “Khuyến Thế Tiến Đạo” của ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ, để nhắc nhở tất cả quý vị, từ xuất gia cho đến tại gia, nghe mà thức tỉnh và cố gắng lên. Bài kệ như sau:

Tứ tự tuần hoàn xuân phục thu,
Xâm xâm dĩ lão thiếu niên đầu,
Vinh hoa khảng cố nhất trường mộng,
Tuế nguyệt không hoài vạn học sầu.
Khổ thú luân hồi như chuyển cốc,
Ái hà xuất một đặng phù âu.
Phùng trường diệc bất mô lai tỷ,
Vô hạn lương duyên chỉ mạ hưu

Dịch:

Khuyên đời vào đạo
Thời tiết xoay vần xuân đến thu,
Cái già sông sộc đã lên đầu,
Giàu sang ngó lại trơ tràng mộng,
Năm tháng mang theo chất học sầu.
Nẻo khổ, vành xe lăn lóc khắp,
Sông yêu, bọt nước mắt còn đau.
Trường đời nếu chẳng rời lên mũi,
Ngàn thuở lương duyên chỉ bóng màu

Trúc Thiên

Chúng tôi giảng bản chữ Việt cho quý vị dễ nhớ:

Thời tiết xoay vần xuân đến thu,
Cái già sông sộc đã lên đầu.

Hết xuân, hạ đến thu, đông, rồi lại sang xuân... thời tiết cứ như thế mà tiếp tục, tiếp tục mãi. Khi thời gian xoay vần biến chuyển thì cái già đã đáp lên đầu chúng ta rồi. Thời gian biến chuyển, bản thân chúng ta cũng biến đổi theo. Mỗi một ngày qua là chúng ta già thêm một chút, sức sống chúng ta giảm đi một phần. Rồi một tháng qua, một năm qua chúng ta lại càng già hơn, mạng sống chúng ta lại càng mong manh hơn! Nếu chúng ta mong cho mau hết ngày, hết tháng, hết năm, tức là mong cho mau già, mau chết chớ gì? Như vậy nếu cái già cái chết đến, lẽ ra chúng ta phải vui mừng, mà tại sao khi ấy chúng ta lại lo sợ hoảng hốt? Thật là mâu thuẫn. Vì sống mâu thuẫn, không thấy được lẽ thật, cho nên chúng ta đau khổ. Ngày nay không ra gì, chúng ta mong cái gì mới lạ ở ngày mai, không ngờ cái lạ chắc chắn là mái tóc mình sẽ bạc: Trẻ rồi già, già rồi chết. Đó là cái lạ mà chúng ta không chịu chấp nhận. Thời gian và bản thân mình nhip nhàng theo nhau, nếu không mong cái chết đến với chúng ta, thì thôi đừng mong thời gian qua mau làm gì!

Đến hai câu kệ:

Giàu sang ngó lại trơ tràng mộng,

Năm tháng mang theo chất học sầu.

Hai câu này mới thấm thía làm sao! Tất cả sự giàu sang phú quý trên đời này, khi sắp tắt thở nằm liệt trên giường, nhớ lại giống như giấc mộng thôi. Cái gì đã qua rồi, không tìm lại được. Như khi hôm mình ngủ nằm mộng thấy được giàu sang tột đỉnh, nhưng sáng ra tỉnh dậy mới biết chỉ là giấc mộng thôi. Cảnh trong mộng làm sao tìm ra được. Thế nên trong cuộc sống dù cho giàu sang sung sướng bao nhiêu đi nữa, nhưng khi tuổi già đến rồi, nhớ lại quãng đời khi trước chẳng khác nào giấc mộng, đâu có gì tồn tại lâu bền! Đã là mộng vì sao lại khổ đau? Mỗi một ngày qua, có khi nào chúng ta thản nhiên vô sự đâu, hết buồn giận người này đến phiền trách người kia, rồi chứa chất trong lòng không biết bao nhiêu là sầu khổ! Như vậy suốt cuộc đời, từ khi trẻ đến lúc già, những khổ đau chất chứa chắc đầy cả không gian. Thân thì tiêu mòn mà buồn phiền đau khổ tăng lên gấp bội, đó là cái mâu thuẫn đáng thương của chúng ta. Đến khi thân này tan hoại, thì những khổ đau đầy ắp đó sẽ dẫn mình đến chỗ nào đây?

Nẻo khổ, vành xe lăn lóc khắp,

Sông yêu, bọt nước mắt còn đâu.

Những phiền não khổ đau chất chứa quá nhiều sẽ lôi chúng ta đi vào những con đường đau khổ xấu xa, chẳng khác nào như vành xe lăn hết nơi này đến chốn kia, mà toàn là đến chỗ khổ đau, bởi vì khổ đau chỉ đưa đến khổ đau mà thôi. Nếu trong lòng đang ngập tràn phiền não, giả sử có

người dẫn chúng ta đến cảnh đẹp để ngắm nhìn cho vui, thử hỏi làm sao vui được! Thế nên nếu đang đau khổ, khi mất thân này, chắc chắn chúng ta sẽ bị đưa đến những chỗ khổ đau. Muốn ngày mai được an vui, thì ngay đây chúng ta phải buông đi tất cả phiền não trong lòng.

Sông yêu, chữ yêu đây tức là ái, nếu còn tâm ái trước thân này và triu mến cảnh vật chung quanh thì khi mất thân này chúng ta lại tạo thân khác, sanh tử nối tiếp không dừng, giống như bọt nước ngoài biển, cơn sóng đưa qua bọt nước nổi lên rồi bể nát, nổi lên rồi bể nát không biết bao nhiêu lần. Nếu trong lòng chứa nhóm thù hận chúng ta sẽ đi vào con đường đau khổ, nếu còn chứa nhóm lòng yêu mến thân và cảnh, chúng ta sẽ bị dẫn đi trong sanh tử liên tục không dừng.

Trường đời nếu chẳng rời lên mũi,

Ngàn thuở lương duyên chỉ bóng màu.

Nếu gặp cơ hội mà chúng ta không rời lên mũi thì duyên lành muôn thuở đó cũng chỉ là chuyện bóng màu, phớt qua rồi mất, uổng đi một đời.

Rời lên mũi là ý nghĩa gì? Trong nhà thiền, khi nói tới lỗ mũi là để chỉ cái sẵn có ở trước mặt mình mà mình không thấy. Lỗ mũi lại là nơi thở ra hít vào tức là nguồn sống của chúng ta. Như vậy lỗ mũi là để dụ cho con người chân thật hiện hữu nơi chúng ta, mà chúng ta lại không thấy. Rời lên mũi nghĩa là nhận được con người chân thật nơi mình. Nếu nhận được con người chân thật thì cuộc đời chúng ta mới có giá trị. Bằng không thì duyên lành muôn thuở của chúng ta chẳng qua là ảo ảnh mà thôi.

Trong hai câu kết ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ đã nhắc chúng ta: Nếu không khéo tìm thấy con người chân thật của chính mình thì uổng phí một cuộc đời. Nhất là người đã thế phát xuất gia, có duyên lành với Phật pháp mà không nhận được con người chân thật nơi mình, thì uổng phí cả một đời tu. Thế nên chúng ta phải nỗ lực cố gắng làm sao để duyên tốt đó được hữu ích và thật tế hơn.

Hôm nay là ngày cuối năm, trong nhà Phật thường gọi là đêm ba mươi tháng chạp, tức là đêm chuyển mình từ năm cũ sang năm mới, cũng giống như là phút giây sắp tắt thở của chúng ta, chuyển mình từ thân cũ sang thân mới, hay từ thân tiền ám chuyển sang thân hậu ám. Từ cũ chuyển sang mới thì cái mới phải tốt đẹp hơn. Nhưng đó là còn trong vòng sanh tử. Nếu thân cũ này bại hoại đi, chúng ta được thành thời giải thoát, đó mới đúng là người chân thật xuất gia, đúng là người cầu đạo giải thoát.

Mong rằng tất cả Tăng Ni và Phật tử được phước duyên lành sống trong nhà đạo, chúng ta phải nhớ đừng hủy hoại duyên lành của mình mà phải luôn luôn cố gắng từ năm cũ tiến sang năm mới. Trong năm cũ nếu chúng ta tạo được những gì hay đẹp thì hãy lấy đó làm nền tảng để sang năm mới càng hay đẹp hơn. Nếu trong năm cũ chúng ta đã lỡ gây ra những gì hư dờ, thì sang năm mới chúng ta dứt khoát không tiếp tục làm những điều ấy nữa, mà phải chuyển sang làm những việc hay đẹp để năm mới được rạng rỡ hơn. Nhân ngày cuối năm cũng là lúc chuẩn bị đón giao thừa, chúng ta nhắc nhở nhau tiến trên con đường đạo, gọi là tùy theo thể tục để trở về chân. Chúng tôi mong rằng tất cả quý Tăng Ni và Phật tử, có mặt nơi đây và ở những nơi khác, đều cố gắng chuyển mình từ năm cũ sang năm mới với gương mặt rạng rỡ hân hoan, không có ủ dột âu sầu như năm cũ. Nếu năm rồi chúng ta đã rạng rỡ thì năm tới càng rạng rỡ hơn để giữ vững những gì cao quý và hay đẹp của con người chúng ta.

NAM-MÔ BỒN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

